

ÁP DỤNG TRÁCH NHIỆM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐINH THỊ THANH THỦY*

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội và thực hiện bảo vệ môi trường, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước là thách thức đặt ra với hầu hết các quốc gia trong bối cảnh hiện nay, trong đó có Việt Nam. Pháp luật môi trường, với vai trò là công cụ quản lý môi trường phải hướng đến điều chỉnh hành vi của các chủ thể, có trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo đảm thực hiện mục tiêu tại Đại hội XIII của Đảng là “đến năm 2030, cơ bản đạt các mục tiêu phát triển bền vững về tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu”¹. Bài viết khái quát thực trạng vi phạm pháp luật hành chính trong lĩnh vực môi trường của các doanh nghiệp, từ đó, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến trách nhiệm hành chính của chủ thể vi phạm về bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

Từ khóa: Trách nhiệm hành chính hành vi vi phạm; bảo vệ môi trường; doanh nghiệp; áp dụng; vi phạm về môi trường.

Promoting socio-economic growth while ensuring environmental protection and sustainable national development is a pressing challenge for most countries today, including Vietnam. Environmental law, as a key instrument of environmental governance, must aim to regulate the behavior of entities responsible for environmental protection and to realize the goal set forth by the 13th National Congress of the Communist Party of Vietnam: “By 2030, the country will have basically achieved the sustainable development goals regarding natural resources, the environment, and climate change adaptation.” This article provides an overview of administrative law violations in the environmental field committed by enterprises and proposes several solutions to improve the legal framework governing administrative liability for environmental protection violations in Vietnam.

Keywords: Administrative responsibility; environmental protection; enterprises; enforcement; environmental violations.

NGÀY NHẬN: 28/8/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/10/2025

NGÀY DUYỆT: 14/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.358.2025.1343>

1. Đặt vấn đề

Môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự sống, bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm tương lai bền vững cho nhân loại. Tính từ năm

1850 đến nay, trên thế giới đã có 3.700 hiệp ước, công ước và thỏa thuận khác về môi trường quốc tế². Việt Nam cũng đã tham gia hơn 40 công ước quốc tế về vấn đề bảo vệ

* TS, Trường Đại học Thương mại

môi trường, trong đó phải kể đến Công ước toàn cầu về đa dạng sinh học (CBD), Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), Công ước Viên năm 1985 về Bảo vệ tầng ô-zôn. Toàn bộ các cam kết quốc tế (trừ một số phần trong Hiệp định EVFTA được quy định là áp dụng trực tiếp) của Việt Nam trong lĩnh vực môi trường đều được nội luật hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nhận thức được vai trò quan trọng của bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Để cụ thể hóa chiến lược của Đảng, ngày 13/4/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường cũng từng bước được sửa đổi, hoàn thiện, như: *Luật Bảo vệ môi trường* năm 2020; *Luật Đất đai* năm 2024; *Luật Tài nguyên nước* năm 2023; *Luật Địa chất và Khoáng sản* năm 2024; *Luật Dầu khí* năm 2022; *Luật Thủy sản* năm 2017... và các nghị định, thông tư hướng dẫn. Bên cạnh đó, trách nhiệm hành chính của các chủ thể trong bảo vệ môi trường được quy định tại *Luật Xử lý vi phạm hành chính* năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị

định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Dưới khía cạnh pháp lý, doanh nghiệp được bảo đảm quyền tự do kinh doanh, tuy nhiên, cần phải tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh, bảo đảm mục tiêu điều chỉnh của pháp luật. Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, với nguyên tắc xuyên suốt theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, mọi hành vi vi phạm của các chủ thể trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đều bị xem xét áp dụng trách nhiệm pháp lý.

Trong khoa học pháp lý, thuật ngữ “trách nhiệm pháp lý” được hiểu là “hậu quả pháp lý bất lợi mà Nhà nước buộc tổ chức, cá nhân phải gánh chịu khi họ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật”³, hậu quả pháp lý bất lợi thể hiện ở các chế tài áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm. Đối với các doanh nghiệp vi phạm hành chính, theo quy định của *Luật Xử lý vi phạm hành chính* sẽ bị áp dụng các hình thức xử phạt hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả. Trong trường hợp hành vi vi phạm của doanh nghiệp đủ yếu tố cấu thành tội phạm, cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành khởi tố vụ án hình sự, điều tra, truy tố và xét xử, trường hợp doanh nghiệp gây thiệt hại về tài sản cho cá nhân hoặc tổ chức khác, người bị hại có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án dân sự giải quyết.

2. Hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp

Tính đến hết ngày 31/12/2024, cả nước có khoảng 940.078 doanh nghiệp đang hoạt động (tăng 2% so với cùng kỳ năm 2023)⁴, gần 98% trong số này là doanh nghiệp có

quy mô nhỏ và vừa, đã đóng góp vào 60% GDP, 98% tổng kim ngạch xuất khẩu và tạo việc làm cho khoảng 85% lao động của cả nước⁵. Đây là sự đóng góp quan trọng của khu vực doanh nghiệp trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững của đất nước.

Tuy nhiên, những năm gần đây, tình hình tội phạm môi trường và các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của nhiều doanh nghiệp đã diễn biến rất phức tạp, phổ biến trên nhiều lĩnh vực. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường bao gồm 10 nhóm hành vi quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP. Số vụ vi phạm môi trường đã được xử lý giai đoạn 2012 - 2021 tăng hơn 5,7 lần, từ 2.438 vụ (năm 2012) lên 14.042 vụ (năm 2021)⁶. Trong khai thác khoáng sản, do sử dụng hóa chất, như: thủy ngân, kim loại nặng nên nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu bị ô nhiễm. Khai thác cát, sỏi bờ bãi cũng làm cho nhiều dòng sông bị xói lở, biến đổi dòng chảy. Các hiện tượng trên làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái, gây phong hóa, rửa trôi, biến rừng thành đất trống, đồi núi trọc, tiềm ẩn nguy cơ lũ quét cao. Trong năm 2023, cơ quan chức năng đã phát hiện 16.641 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 14.873 vụ với tổng số tiền phạt là 282,1 tỷ đồng, tăng 4,9% so với năm trước⁷, chủ yếu là các hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, đăng ký môi trường đã được phê duyệt.

Nguyên nhân của những vi phạm trên được đánh giá ở một số khía cạnh sau:

(1) Quy định trách nhiệm pháp lý đối với những hành vi vi phạm của các chủ thể chưa tương thích với hậu quả xảy ra và lợi ích chủ thể thu được, chẳng hạn mức xử phạt thấp hơn rất nhiều lợi nhuận mà tổ chức, cá nhân thu được khi có hành vi xả thải có chứa các

thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật (Điều 18, 19 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP) với mức phạt cao nhất là 1 tỷ đồng (đối với cá nhân) và 2 tỷ đồng (đối với tổ chức), tuy nhiên, mức phạt này thấp hơn nhiều so với số lợi nhuận doanh nghiệp thu được do không đầu tư hệ thống xử lý và mức thiệt hại của môi trường, dẫn đến quy định xử phạt chưa có tính răn đe hành vi vi phạm.

(2) Quy định pháp lý về cơ chế kiểm tra, giám sát sau khi xử phạt. Thực tế nhiều chủ thể vi phạm quy định về môi trường sau khi bị xử phạt lại tiếp tục vi phạm, nguyên nhân chính do thiếu quy định về kiểm tra, thanh tra sau xử phạt, thiếu cơ sở dữ liệu quốc gia về vi phạm môi trường để theo dõi, tra cứu công khai về lịch sử vi phạm theo mã số doanh nghiệp nhằm kiểm soát hiệu quả công khai trên cơ sở liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia về vi phạm môi trường giữa các bộ, ngành. Bên cạnh đó, nguồn lực thanh tra, kiểm tra về môi trường còn mỏng, không phát hiện kịp thời các vi phạm tái diễn; thiếu quy định công khai kết quả hậu kiểm để người dân và xã hội có thể giám sát và theo dõi việc tuân thủ pháp luật môi trường của các chủ thể.

3. Thực tiễn áp dụng trách nhiệm hành chính đối với hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp

Thực thi *Luật Bảo vệ môi trường* năm 2020, các văn bản xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tạo sự chuyển biến tích cực đối với người dân và các tổ chức, từ đó, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Nhiều doanh nghiệp đã có ý thức khắc phục các tồn tại, vi phạm sau thanh tra, kiểm tra,

như: quan tâm đầu tư hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; thu gom, quản lý, xử lý chất thải...

Theo Điều 21 *Luật Xử lý vi phạm hành chính* năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025); Điều 4 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP, các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, gồm: (1) Các hình thức xử phạt chính; (2) Các hình thức xử phạt bổ sung; (3) Áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả (gồm 14 biện pháp khắc phục hậu quả) buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định. Việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả phải tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo đảm triệt để nguyên tắc “mọi hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục”.

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, kể từ khi Nghị định số 45/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, từ tháng 8/2022 - 10/2024, các cơ quan, người có thẩm quyền đã xử phạt 12.045 vụ việc vi phạm hành chính, với tổng số tiền phạt là 383.546.154.153 đồng, trong đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường xử phạt là 83.571.802.564 đồng; bộ, ngành khác xử phạt là 754.500.000 đồng, địa phương xử phạt là 302.219.851.589 đồng, số vụ việc đình chỉ hoạt động có thời hạn là 205 trường hợp, 18 trường hợp áp dụng hình phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép và 14.899 trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả⁸.

Quá trình áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đặt ra một số vấn đề cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, đó là:

Thứ nhất, về thẩm quyền xử phạt, mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa phù hợp với thực tiễn, chẳng hạn quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của chủ tịch UBND cấp xã tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP

được phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 5.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 10.000.000 đồng (Điều 56); thanh tra viên chuyên ngành tài nguyên và môi trường, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 1.000.000 đồng (Điều 58). Mức xử phạt theo thẩm quyền nói trên còn thấp, chưa đủ sức răn đe, nhiều tổ chức, cá nhân vi phạm nhiều lần, chấp nhận việc xử phạt...

Hiện nay, quản lý môi trường không chỉ là vấn đề có tính liên ngành, liên lĩnh vực, đòi hỏi sự thống nhất trong chỉ đạo, đồng bộ trong phối hợp thực hiện giữa các cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm, trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, cần nghiên cứu sửa đổi thẩm quyền xử phạt của cấp phường, xã, công an cấp cơ sở trên địa bàn cũng như quy định thống nhất thẩm quyền phối hợp về xử phạt vi phạm hành chính nói chung và xử phạt vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho phù hợp.

Thứ hai, biện pháp khắc phục hậu quả của chủ thể vi phạm quy định tại Điều 37 *Luật Xử lý vi phạm hành chính* năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025) và điểm g khoản 3 Điều 4 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP là buộc nộp lại số tiền bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính. Việc áp dụng biện pháp này theo nguyên tắc: (1) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của vụ việc đó chính là người xác định số lợi bất hợp pháp; (2) Số lợi bất hợp pháp phải được thể hiện trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; (3) Số lợi bất hợp pháp được xác định từ khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm hoặc có quyết định xử phạt vi phạm

hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc xác định số lợi bất hợp pháp (là tiền, giấy tờ có giá, vật, tài sản khác) theo quy định trên gặp nhiều khó khăn, khó khả thi do chưa có hướng dẫn cụ thể việc xác định giá trị và cách tính số lợi bất hợp pháp từ việc vi phạm hành chính, chẳng hạn, như: việc xác định các chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa, dịch vụ, chi phí vật liệu, chi phí lương nhân viên, chi phí về không gian, chi phí vận chuyển sản phẩm, chi phí hoa hồng dành cho bán hàng..., các chi phí gián tiếp (chi phí quản lý chung, chi phí bảo hiểm, chi phí thuế...).

Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nộp lại số lợi bất hợp pháp từ hành vi vi phạm tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP, như: các vi phạm về thực hiện đăng ký môi trường (Điều 9), đánh giá tác động môi trường (Điều 10), về giấy phép môi trường (Điều 11), bảo vệ môi trường trong trường hợp không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định (Điều 13), về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định (Điều 14), về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất - kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề (Điều 15)... Các hành vi vi phạm nói trên, về bản chất là cá nhân, tổ chức đang trốn tránh việc xử lý chất thải và không phải là hành vi vi phạm thu được lợi theo quy định của *Luật Xử lý vi phạm hành chính* (Điều 37).

Thứ ba, về chế tài xử phạt. Trong quá trình xử phạt hành chính với các vi phạm về bảo vệ môi trường, không ít các doanh nghiệp chấp nhận bị xử phạt vi phạm hành chính để triển khai xây dựng trước hoặc đưa

dự án vào vận hành chính thức trước khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc được cấp giấy phép môi trường của cơ quan nhà nước. Điều này cho thấy, chế tài xử lý đối với các chủ thể có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP trong trường hợp không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định (Điều 13), vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định (Điều 14) chưa đủ sức răn đe để ngăn chặn các vi phạm.

4. Một số kiến nghị

Một là, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định về xử phạt các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường theo hướng đồng bộ, thống nhất, đầy đủ, phù hợp với cơ chế thị trường và đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế.

Trong thời gian tới, xuất phát từ thực tiễn vi phạm về bảo vệ môi trường của các chủ thể như đã phân tích, việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2022/NĐ-CP theo hướng tăng nặng các mức phạt tiền với vi phạm hành chính. Theo đó, có thể nghiên cứu áp dụng quy định mức phạt tiền căn cứ theo tỷ lệ phần trăm của mức lương cơ sở nhằm bảo đảm sự ổn định trong quy định pháp luật cũng như bảo đảm sự công bằng trong xử phạt. Đồng thời, cần sửa đổi theo hướng thay đổi hình thức áp dụng biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp sang truy thu số phí bảo vệ môi trường phải nộp trong việc xả nước thải không qua xử lý ra môi trường, do đây là hành vi trốn tránh trách nhiệm xử lý chất thải để phù hợp với Điều 37 *Luật Xử lý vi phạm hành chính*.

Hai là, tăng cường thẩm quyền xử phạt cho cấp xã, công an cấp cơ sở. Nâng mức xử phạt tối đa đối với chủ tịch UBND cấp xã để phù hợp với thực tiễn tại địa phương; kiến nghị cho phép áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng cung cấp điện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường nhiều lần, không chấp hành quyết định, không hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước.

Ba là, thúc đẩy hơn nữa việc nội luật hóa các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường. Quá trình thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU (EVFTA) với những cam kết về môi trường đã góp phần mở ra nhiều hướng đi mới cho các doanh nghiệp trong quá trình thúc đẩy thương mại đầu tư; qua đó, góp phần nâng cao lợi thế và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc tạo điều kiện tăng trưởng cho ngành công nghiệp môi trường, tạo ra những cơ hội xuất khẩu mới và đẩy mạnh nhập khẩu hàng hóa môi trường có chất lượng cao cho các doanh nghiệp Việt Nam cũng như thực hiện nguyên tắc “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế”.

Bốn là, tăng cường xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường. Huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc tham gia, kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Năm là, hoàn thiện và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về vi phạm bảo vệ môi trường. Kiểm soát hiệu quả công khai trên cơ sở liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia về vi phạm bảo vệ môi trường giữa các bộ, ngành để theo dõi, tra cứu công khai về lịch sử vi phạm theo mã số doanh nghiệp. Đây sẽ là

công cụ thiết yếu để tăng cường quản lý nhà nước, hiệu lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường, là cơ sở để kiểm soát, cấp phép đầu tư cho các doanh nghiệp cũng như thúc đẩy trách nhiệm doanh nghiệp và quyền giám sát của xã hội, người dân với các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường.

5. Kết luận

Việc hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ môi trường nói chung và trách nhiệm hành chính đối với hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường của cá nhân, tổ chức là đòn bẩy quan trọng để bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, bền vững và có trách nhiệm cũng như bảo đảm thực thi các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay □

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 276.
2. *Việt Nam ký kết và đang thực hiện hơn 40 công ước quốc tế về bảo vệ môi trường.* <https://vietnamnet.vn>, ngày 03/7/2024.
3. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017). *Giáo trình Luật Hành chính*. H. NXB Công an nhân dân, tr. 346.
4. *Chiếm gần 98% tổng số doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa đang ở đầu trong nền kinh tế.* <https://baodautu.vn>, ngày 27/02/2025.
5. *Lực lượng doanh nghiệp đóng góp khoảng 60% GDP.* <https://haiquanonline.com.vn>, ngày 10/02/2025.
6. *Tổng quan số liệu thống kê môi trường Việt Nam giai đoạn 2014 - 2021.* <https://conso-sukien.vn>, ngày 26/01/2024.
7. *Năm 2023, phát hiện 16.641 vụ vi phạm môi trường.* <https://moitruong.net.vn>, ngày 01/01/2024.
8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). *Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường của Bộ Nông nghiệp và môi trường*, ngày 14/3/2025.